



THỰC ĐƠN BÁN TRÚ TUẦN 05 NĂM HỌC 2025 - 2026

Tuần 6 tháng 10 năm học 2025-2026

Tuần 05 (Từ ngày 13/10 đến ngày 17/10 năm 2025)

Thứ/ngày	STT	Món ăn	Diễn giải	Định lượng(gr)	Đơn giá	Thành Tiền	Chi phí phụ		TỔNG
Thứ 2/13-10	1	Thịt băm rang	Thịt mỡ ngon	66	125,000	8,250	Chất đốt	1,000	
	2	Khoai tây xào thịt	Khoai tây	52	18,000	936	Nhân công	2,000	
			Thịt mỡ ngon vai	10	125,000	1,250	Thuế	1,482	
	3	Canh bí đỏ nấu xương	Bí đỏ	50	18,000	900	Khấu hao	300	
			Xương lợn	8	85,000	680			
	4	Cơm trắng	Gạo tẻ	110	19,000	2,090			
	5		Rau thơm	3.2	35,000	112			
	6		Gia vị các loại	10	100,000	1,000			
		Tổng				15,218		4,782	20,000
Thứ/ngày	STT	Món ăn	Diễn giải	Định lượng(gr)	Đơn giá	Thành Tiền	Chi phí phụ		TỔNG
Thứ 3/ 14-10	1	Thịt gà chiên	Gà CN bỏ cđcc	85	85,000	7,225	Chất đốt	1,000	
	2	Đậu xốt cà chua	Đậu phụ	50	32,000	1,600	Nhân công	2,000	
			Cà chua	20	25,000	500	Thuế	1,482	
	3	Canh bí xanh nấu gà	Bí xanh	50	20,000	1,000	Khấu hao	300	
			Gà CN bỏ cđcc	21	85,000	1,785			
	4	Cơm trắng	Gạo tẻ	110	18,000	1,980			
	5		Rau thơm	3.65	35,000	128			
	6		Gia vị các loại	10	100,000	1,000			
		Tổng				15,218		4,782	20,000
Thứ/ngày	STT	Món ăn	Diễn giải	Định lượng(gr)	Đơn giá	Thành Tiền	Chi phí phụ		TỔNG
Thứ 4/15-10	1	Mộc xốt cà chua	Mộc (thịt nạc xay viên)	55	145,000	7,975	Chất đốt	1,000	
			Cà chua	10	20,000	200	Nhân công	2,000	
	2	Trứng xào	Trứng vịt	35	63,000	2,205	Thuế	1,482	
	3	Canh tép nấu mồng tơi	Tép đông	7	155,000	1,085	Khấu hao	300	
			Mồng tơi	32	17,000	544			

	4	Cơm trắng	Gạo tẻ	110	19,000	2,090			
	5		Rau thơm	3.4	35,000	119			
	6		Gia vị các loại	10	100,000	1,000			
		Tổng				15,218		4,782	20,000
Thứ/ngày	STT	Món ăn	Diễn giải	Định lượng(gr)	Đơn giá	Thành Tiền	Chi phí phụ		TỔNG
Thứ 5/16-10	1	Thịt kho trứng cút	Thịt săn mông vai	47	125,000	5,875	Chất đốt	1,000	
			Trứng cút	30	80,000	2,400	Nhân công	2,000	
	2	Chả cá viên chiên	Chả cá viên	30	75,000	2,250	Thuế	1,482	
	3	Canh khoai tây cà rốt nấu xương	Khoai tây	50	18,000	900	Khấu hao	300	
			Xương lợn	7	85,000	595			
	4	Cơm trắng	Gạo tẻ	110	19,000	2,090			
	5		Rau thơm	3.08	35,000	108			
	6		Gia vị các loại	10	100,000	1,000			
		Tổng				15,218		4,782	20,000
Thứ/ngày	STT	Món ăn	Diễn giải	Định lượng(gr)	Đơn giá	Thành Tiền	Chi phí phụ		TỔNG
Thứ 6/17-10	1	Tôm chiên	Tôm biển	33	200,000	6,600	Chất đốt	1,000	
	2	Trứng xào	Trứng vịt	40	63,000	2,520	Nhân công	2,000	
	3	Canh cải thảo nấu thịt	Cải thảo	60	17,000	1,020	Thuế	1,482	
			Thịt săn mông vai	15	125,000	1,875	Khấu hao	300	
	4	Cơm trắng	Gạo tẻ	110	19,000	2,090			
	5		Rau thơm	3.24	35,000	113			
	6		Gia vị các loại	10	100,000	1,000			
		Tổng				15,218		4,782	20,000

Hiệu Trưởng Duyệt



HIỆU TRƯỞNG

LƯƠNG THI LAN ANH

Người Lập Thực Đơn



Đinh Thị Hương Giang

Tổng tiền	100,000
5 ngày	5
thành tiền 1 suất	20,000